

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày 15 tháng 3 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Sửu và bà Lò Thị Le.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Yên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/HSST ngày 02 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Lương Văn T, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1988 tại huyện Y, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản H, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Xinh mun; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Lương Văn P và bà Lò Thị Đ (đều đã chết); Bị cáo có vợ: Sòng Thị D, sinh năm 1986; bị cáo có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10 tháng 11 năm 2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Vì Văn H, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1997 tại huyện Y, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản H, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Xinh Mun; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Vì Văn Đ, sinh năm 1971 và bà Vì Thị M, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10 tháng 11 năm 2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vì Văn Đ, sinh năm 1971. Trú tại: Bản H, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 11 năm 2017 tại bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La tổ Công tác Công an huyện Y, tỉnh Sơn La phối hợp với Công an xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La phát hiện và bắt quả tang Lương Văn T, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1988 và Vi Văn H, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1997 cùng trú tại Bản H, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ 01 gói nilon màu hồng bên trong có các cục màu trắng nghi là Heroine. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lương Văn T và Vi Văn H về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và thu toàn bộ vật chứng.

Ngày 11/11/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La phối hợp với Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong, cân tịnh xác định trọng lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định số vật chứng thu giữ khi bắt quả tang của Lương Văn T và Vi Văn H, cụ thể như sau:

- Trọng lượng 01 gói nilon màu hồng bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là Heroine thu giữ của Lương Văn T và Vi Văn H có trọng lượng 0,23 gam kí hiệu H gửi Phòng PC54 Công an tỉnh Sơn La để trưng cầu giám định loại chất ma túy, trọng lượng ma túy.

Tại bản kết luận giám định số: 1012/KLMT ngày 17/11/2017 Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Mẫu vật gửi giám định ký hiệu H là chất ma túy; Loại chất Heroine; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,23 gam; Tổng cộng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 0,23 gam loại chất Heroine”*.

Tại phiên tòa các bị cáo được xét hỏi, thẩm tra trình bày ý kiến giữ nguyên lời khai của mình cũng như trong quá trình điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung nào làm thay đổi nội dung vụ án. Các bị cáo đều nhận tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu.

Bị cáo Lương Văn T và Vi Văn H khai nhận: Khoảng 12 giờ, ngày 10/11/2017, Lương Văn T và Vi Văn H cùng ăn cơm uống rượu tại nhà Vi Văn C, sinh năm 1984 trú cùng tại bản H, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La. Trong lúc uống rượu, Lương Văn T rủ Vi Văn H vượt biên trái phép sang nước Cộng Hòa Dân Chủ nhân dân Lào mua Heroine về sử dụng, Vi Văn H đồng ý. Sau khi ăn cơm, uống rượu xong, H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Win màu sơn đỏ, BKS 26H5 - 5274 của gia đình H chở T ngồi sau đi từ bản H, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La, khi đi T cầm theo 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng), H điều khiển xe đến cây xăng K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La mua xăng hết 20.000đ (hai mươi nghìn đồng), sau đó T và H tiếp tục đi đến bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La vượt biên trái phép sang Lào. Đến địa phận bản K – Lào, T và H vào nhà một người phụ nữ dân tộc Mông, quốc tịch Lào (T và H không biết tên, tuổi của người phụ nữ này). T trực tiếp hỏi người phụ nữ “có Heroine bán không”, người phụ nữ trả lời “có” và hỏi “mua bao nhiêu tiền”. T nói với người phụ

nữ “mua 100.000đ (một trăm nghìn đồng)” đồng thời lấy số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) đưa cho người phụ nữ này. Người phụ nữ nhận tiền và vào trong buồng, khoảng 05 phút người phụ nữ quay lại và đưa cho T 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa Heroine, T nhận lấy gói Heroine và lấy ra một ít trong số Heroine vừa mua được rủ H cùng sử dụng, H từ chối không sử dụng và bảo về đến nhà mới sử dụng. T sử dụng xong gói Heroine còn lại cất vào trong ví rồi cho vào túi quần đang mặc bên phải để mang về sử dụng. H nhìn thấy việc T cất giấu Heroine, sau đó H điều khiển xe máy chở T đi về theo đường cũ. Đến khoảng 16 giờ thì T và H đến địa phận bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La thì bị tổ công tác Công an huyện Y bắt quả tang.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT - VKSYC ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo với nội dung: Truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Châu để xét xử đối với bị cáo Lương Văn T và Vi Văn H về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo khoản 1 điều 194 BLHS năm 1999, nhưng giai đoạn xét xử Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, để đảm bảo hướng có lợi cho bị cáo cần đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử lý đối với bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm t khoản 1 Điều 51, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo:

- Lương Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Vi Văn H từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Vật chứng nhập kho vụ Lương Văn T cùng đồng phạm tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 10/11/2017, gồm 01 mảnh giấy nilon màu hồng + 01 vỏ phong bì đã bóc mở”. Mặt sau phong bì tại các mép dán có tên, chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và người bị bắt. Tại hai góc mép dán có hai hình dấu đỏ của Công an huyện Yên Châu, Sơn La và 01 ví nhựa màu đen, cũ nát đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho bị cáo Lương Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG-GALAXYA96, số phiên bản LMY47V.A9000ZCU1A0LB, màu trắng viền màu bạc, nắp sau màu vàng, màn hình cảm ứng, máy đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho bị cáo Vi Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA K60 số IMEL1: 861705030908893, số IMEL2: 861705030908901, màu đen – bạc, máy đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho ông Vì Văn Đ 01 xe máy hiệu WIN, màu sơn đỏ, BKS: 26H1 – 5274, tình trạng xe không có giấy tờ kèm theo, xe đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 03/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Lường Văn T và Vì Văn H mỗi bị cáo chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án bị cáo hoàn toàn nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát và có lời nói sau cùng là bị cáo Lường Văn T và Vì Văn H xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:*

Tại phiên tòa bị cáo Lường Văn T và Vì Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, như đã khai tại cơ quan điều tra, số Heroine của bị cáo T và H bị Tổ công tác Công an huyện Yên Châu thu giữ có nguồn gốc là hai bị cáo mua người phụ nữ dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ mục đích sử dụng cho bản thân. Lời khai của bị cáo không có nội dung gì thay đổi, bị cáo không khai gì thêm so với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lường Văn T và Vì Văn H do tổ công tác Công an huyện Y, tỉnh Sơn La lập vào hồi 16 giờ, ngày 10/11/2017 biên bản thu giữ vật chứng, biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng lấy mẫu giám định, bản kết luận giám

định số: 1012/KLMT, ngày 17/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận mẫu gửi giám định ký hiệu H gửi giám định là Heroine nằm trong danh mục I, Stt: 20 Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên HĐXX xét thấy: Bị cáo Lương Văn T và Vi Văn H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của việc tàng trữ, sử dụng ma túy. Nhưng do nghiện chất ma túy nên ngày 27/11/2017 bị cáo Lương Văn T cùng Vi Văn H đã có hành vi tàng trữ 0,23 gam Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng, nhưng giai đoạn xét xử Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật cần đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử lý đối với bị cáo như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội:

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn T và Vi Văn H là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của hai bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, để cá thể hóa về hình phạt cần phải xác định vai trò, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm của từng bị cáo, được quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Lương Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của việc sử dụng ma túy nhưng do nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng T đã chuẩn bị 100.000đ (một trăm nghìn đồng) rủ Vi Văn H sang Lào mua Heroine. Thủy là người trực tiếp trao đổi mua bán ma túy, người cất giấu ma túy, bản thân bị cáo tích cực thực hiện hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, bị cáo Lương Văn T xếp vai trò là chủ mưu khởi sự.

Đối với Vi Văn H là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính nguy hiểm của việc đi Heroine về sử dụng, khi được T rủ sang Lào mua ma túy khi về đến nhà hứa sẽ cho bị cáo H đi hát, Vi Văn H đã đồng ý, H đã lấy xe máy của gia đình mình chở T đi mua Heroine ở bản K – Lào, H được nhìn thấy T trao đổi mua ma túy với người phụ nữ dân tộc Mông, nhìn thấy T sử dụng ma túy và cất giấu số ma túy còn lại mang về sử dụng, thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do đó, hành vi của Vi Văn H đã đồng phạm với Lương Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo Lương Văn T và Vi Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo Lương Văn T và Vi Văn H được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đó là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan cảnh sát điều tra, giải quyết vụ án.

Bị cáo Lương Văn T có nhân thân xấu là đối tượng nghiện chất ma túy; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Từ những đánh giá nêu trên HĐXX xét thấy cần thiết cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng hai bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo là phù hợp.

Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Đối với 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Vật chứng nhập kho vụ Lương Văn T cùng đồng phạm tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 10/11/2017, gồm 01 mảnh giấy nilon màu hồng + 01 vỏ phong bì đã bóc mở”. Mặt sau phong bì tại các mép dán có tên, chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và người bị bắt. Tại hai góc mép dán có hai hình dấu đỏ của Công an huyện Y, Sơn La và 01 ví nhựa màu đen, cũ nát đã qua sử dụng. Xét thấy đây là vật Nhà nước cấm lưu hành và vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 02 điện: 01 thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG-GALAXYA96, số phiên bản LMY47V.A9000ZCU1A0LB, màu trắng viền màu bạc, nắp sau màu vàng, màn hình cảm ứng, máy đã qua sử dụng thu của Lương Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA K60 số IMEL1: 861705030908893, số IMEL2: 861705030908901, màu đen – bạc, máy đã qua sử dụng thu của Vi Văn H, bị cáo T, H sử dụng để liên lạc, đây là tài sản hợp pháp của hai bị cáo, có giá trị không lớn và không liên quan đến hành vi phạm tội, cần tuyên trả lại cho bị cáo Lương Văn T và Vi Văn H.

Đối với 01 xe máy hiệu WIN, màu sơn đỏ, BKS: 26H1 – 5274, tình trạng xe không có giấy tờ kèm theo, xe đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn Đ (bố của bị cáo H), ông Đ không biết T và H sử dụng chiếc xe đi mua ma túy, ông Đ có đơn xin lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự. Xét thấy cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Vi Văn Đ theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 03/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Lương Văn T và Vì Văn H mỗi bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Về các vấn đề khác:

Về nguồn gốc số Heroine quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lương Văn T và Vì Văn H khai mua của một người phụ nữ dân tộc Mông, quốc tịch Lào không biết tên, địa chỉ, nơi trao đổi mua bán ma túy (Heroine) thuộc nước CHDCND Lào, vì vậy cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra mở rộng vụ án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn T và Vì Văn H phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, Điều 58, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội:

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 20 (hai mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính ngày 10/11/2017.

Xử phạt bị cáo Vì Văn H 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính ngày 10/11/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với hai bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Vật chứng nhập kho vụ Lương Văn T cùng đồng phạm tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 10/11/2017, gồm 01 mảnh giấy nilon màu hồng + 01 vỏ phòng bì đã bóc mở”. Mặt sau phong bì tại các mép dán có tên, chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và người bị bắt. Tại hai góc mép dán có hai hình dấu đỏ của Công an huyện Yên Châu, Sơn La; 01 ví nhựa màu đen, cũ nát đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho bị cáo Lương Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG-GALAXYA96, số phiên bản LMY47V.A9000ZCU1A0LB, màu trắng viền màu bạc, nắp sau màu vàng, màn hình cảm ứng, máy đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho bị cáo Vì Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA K60 số IMEL1: 861705030908893, số IMEL2: 861705030908901, màu đen – bạc, máy đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho ông Vì Văn Đ 01 xe máy hiệu WIN, màu sơn đỏ, BKS: 26H1 – 5274, tình trạng xe không có giấy tờ kèm theo, xe đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.)

3. *Về án phí:* Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lương Văn T và Vì Văn H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Công an huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- THAHS;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Ấn văn, Lưu HSVA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hương